

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 165D /GDĐT-TC

Cử Chi, ngày 18 tháng 11 năm 2016

Về việc phân bổ biên chế cho các trường
mầm non, tiểu học, trung học cơ sở
và đơn vị trực thuộc năm 2016

Kính gửi:

- Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, THCS.
- Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc.

Căn cứ Quyết định số 8402/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi về việc giao biên chế hành chính và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2016;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV Hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và Thông tư Liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV Quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

Phòng Giáo dục và Đào tạo phân bổ biên chế cho các đơn vị trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và các đơn vị trực thuộc năm 2016 (theo danh sách đính kèm).

Căn cứ chỉ tiêu biên chế được phân bổ, Hiệu trưởng, Thủ trưởng các đơn vị bố trí biên chế, phân bổ số lượng người làm việc phù hợp với nhiệm vụ được giao và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TC.

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Loan

DANH SÁCH PHÂN BỐ NHÂN SỰ NĂM HỌC 2016-2017

(Đính kèm văn bản số 16.50/GDĐT-TC ngày 18/11/2016)

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
			Biên chế công chức	Biên chế viên chức	HD 68	
1	2	3=4+5+6	4	5	6	15
	1. Sự nghiệp Giáo dục đào tạo	4.229	97	3.781	351	
	1.1. Giáo dục khác:	37	2	29	6	
1	Trường Bồi Dưỡng Giáo Dục	15	1	10	4	
2	Trường Nuôi Dạy Trẻ Em KT	22	1	19	2	
	1.2. Giáo dục Trung học cơ sở	1358	24	1257	77	
1	THCS An Nhơn Tây	54	1	51	2	
2	THCS An Phú	38	1	34	3	
3	THCS Bình Hòa	59	1	54	4	
4	THCS Hoà Phú	58	1	54	3	
5	THCS Nguyễn Văn Xơ	50	1	47	2	
6	THCS Nhuận Đức	39	1	35	3	
7	THCS Phạm Văn Cội	46	1	42	3	
8	THCS Phú Hoà Đông	74	1	69	4	
9	THCS Phú Mỹ Hưng	35	1	31	3	
10	THCS Phước Hiệp	39	1	36	2	
11	THCS Phước Thạnh	55	1	51	3	
12	THCS Phước Vĩnh An	52	1	49	2	
13	THCS Tân An Hội	46	1	41	4	
14	THCS Tân Phú Trung	106	1	100	5	
15	THCS Tân Thạnh Đông	117	1	112	4	
16	THCS Tân Thạnh Tây	51	1	48	2	
17	THCS Tân Thông Hội	66	1	61	4	
18	THCS Tân Tiến	56	1	52	3	
19	THCS Thị Trấn 2	81	1	77	3	
20	THCS Thị Trấn Củ Chi	48	1	44	3	
21	THCS Trung An	47	1	43	3	
22	THCS Trung Lập	65	1	60	4	
23	THCS Trung Lập Hạ	41	1	36	4	
24	TH-THCS Tân Trung	35	1	30	4	
	1.3. Giáo dục Tiểu học	1754	40	1566	148	
1	TH An Nhơn Đông	44	1	38	5	
2	TH An Nhơn Tây	43	1	38	4	
3	TH An Phú 1	39	1	33	5	
4	TH An Phú 2	38	1	33	4	
5	TH An Phước	29	1	25	3	
6	TH Bình Mỹ	29	1	25	3	
7	TH Bình Mỹ 2	45	1	41	3	
8	TH Hoà Phú	62	1	57	4	

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
			Biên chế công chức	Biên chế viên chức	HD 68	
9	TH Lê Thị Pha	32	1	28	3	
10	TH Lê Văn Thế	28	1	24	3	
11	TH Liên Minh CN	38	1	34	3	
12	TH Liên Trung	29	1	24	4	
13	TH Nguyễn Văn Lịch	32	1	28	3	
14	TH Nhuận Đức	25	1	21	3	
15	TH Nhuận Đức 2	29	1	25	3	
16	TH Phạm Văn Cội	53	1	48	4	
17	TH Phú Hoà Đông	53	1	48	4	
18	TH Phú Hoà Đông 2	34	1	29	4	
19	TH Phú Mỹ Hưng	38	1	33	4	
20	TH Phước Hiệp	41	1	38	2	
21	TH Phước Thạnh	52	1	49	2	
22	TH Phước Vĩnh An	34	1	30	3	
23	TH Tân Phú	63	1	57	5	
24	TH Tân Phú Trung	83	1	78	4	
25	TH Tân Thành	56	1	51	4	
26	TH Tân Thạnh Đông	57	1	51	5	
27	TH Tân Thạnh Đông 2	47	1	44	2	
28	TH Tân Thạnh Đông 3	51	1	47	3	
29	TH Tân Thạnh Tây	57	1	52	4	
30	TH Tân Thông	64	1	55	8	
31	TH Tân Thông Hội	32	1	27	4	
32	TH Tân Tiến	60	1	54	5	
33	TH Thái Mỹ	55	1	50	4	
34	TH Thị Trấn Củ Chi	67	1	62	4	
35	TH Thị Trấn Củ Chi 2	25	1	20	4	
36	TH Trần Văn Châm	39	1	33	5	
37	TH Trung An	58	1	53	4	
38	TH Trung Lập Hạ	32	1	28	3	
39	TH Trung Lập Thượng	35	1	30	4	
40	TH-THCS Tân Trung	26	1	25		
	1.4. Giáo dục Mầm non	1080	31	929	120	
1	MN An Nhơn Tây	37	1	33	3	
2	MN An Phú	34	1	29	4	
3	MN Bình Mỹ	30	1	25	4	
4	MN Hòa Phú	34	1	30	3	
5	MN Hoàng Minh Đạo	30	1	25	4	
6	MN Nhuận Đức	29	1	24	4	
7	MN Phạm Văn Cội 1	32	1	28	3	
8	MN Phạm Văn Cội 2	20	1	15	4	
9	MN Phú Hòa Đông	50	1	45	4	
10	MN Phước Hiệp	17	1	13	3	

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
			Biên chế công chức	Biên chế viên chức	HĐ 68	
11	MN Phước Thạnh	52	1	47	4	
12	MN Phước Vĩnh An	28	1	23	4	
13	MN Tân An Hội 1	31	1	27	3	
14	MN Tân An Hội 2	16	1	11	4	
15	MN Tân Phú Trung 1	37	1	32	4	
16	MN Tân Phú Trung 2	29	1	23	5	
17	MN Tân Thạnh Đông	59	1	54	4	
18	MN Tân Thông Hội 1	33	1	28	4	
19	MN Tân Thông Hội 2	48	1	44	3	
20	MN Tân Thông Hội 3	26	1	21	4	
21	MN Tân Thông Hội 4	26	1	21	4	
22	MN Thái Mỹ	35	1	30	4	
23	MN Thị Trấn Củ Chi 1	27	1	22	4	
24	MN Thị Trấn Củ Chi 2	60	1	52	7	
25	MN Thị Trấn Củ Chi 3	41	1	37	3	
26	MN Trung An 1	24	1	20	3	
27	MN Trung An 2	45	1	40	4	
28	MN Trung Lập Hạ	22	1	17	4	
29	MN Trung Lập Thượng	50	1	45	4	
30	MN Tân Thạnh Tây	39	1	34	4	
31	MN Tây Bắc	39	1	34	4	